

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 31 – 5 – 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm

Ông Nguyễn Thế Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2022 và Quyết định hoãn **phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2022**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hát B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 98/2D, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 55/3D, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị B, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2021, bản tự khai đề ngày 7/1/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hát B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện yêu thương nhau và vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 23/7/2007. Đây là hôn nhân lần thứ đầu của chị.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ chồng tại 55/3D, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2012 nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn xúc phạm nhau. Mặt khác, anh T là người không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm tới vợ con. Chị đã nhiều lần nói chuyện mong muốn anh T thay đổi tuy nhiên anh T vẫn không khắc phục được. Vì vậy, từ năm 2016 đến nay chị đã đem con về nhà cha mẹ ruột tại địa chỉ số 98/2D, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai để sinh sống. Từ đó vợ chồng đã không còn quan tâm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh Vũ Ngọc T chung sống có 03 con chung là Vũ Đức Đ, sinh ngày 31/01/2008; Vũ Nguyễn Kim L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Vũ Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 21/8/2013. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Ba con chung hiện đang sống cùng chị B. Hiện tại chị làm công nhân thu nhập bình quân hàng tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng)/tháng. Ngoài ra chị có cha mẹ phụ giúp chăm con và đưa đón cháu đi học.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Vũ Ngọc T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hát B được ly hôn với anh Vũ Ngọc T.

+ Về con chung: Giao cháu Vũ Đức Đ, sinh ngày 31/01/2008; cháu Vũ Nguyễn Kim L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Vũ Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 21/8/2013 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Vũ Ngọc T hiện đang cư trú tại số 55/3D, ấp T, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Hát B và anh Vũ Ngọc T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/7/2007. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh T và chị B là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự tại tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị B và anh T đã để xảy ra mâu thuẫn từ khoảng năm 2012, đến năm 2016 hai vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc giúp đỡ và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình.

Theo nguyên đơn chị B cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong

cuộc sống gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh T đều vắng mặt, cả anh T và chị B đều không có ý thức hàn gắn hay có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị B và anh T đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng ông bà chung sống có 03 con chung là Vũ Đức Đ, sinh ngày 31/01/2008; Vũ Nguyễn Kim L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Vũ Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 21/8/2013

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu Vũ Đức Đ, Vũ Nguyễn Kim L, Vũ Nguyễn Ngọc P, nhận thấy: Hiện tại cháu Vũ Đức Đ, Vũ Nguyễn Kim L, Vũ Nguyễn Ngọc P đang sống chung với chị B. Nguyên vọng của các cháu là được tiếp tục sống cùng chị B nếu anh T và chị B ly hôn. Chị B hiện đang làm công nhân với thu nhập ổn định bình quân hàng tháng 10.000.000đ, ngoài ra chị có gia đình ông bà ngoại phụ giúp việc trông nom các con và đưa đón các cháu đi học. Với mức thu nhập những điều kiện cần thiết như trên chị B có đủ điều kiện để tiếp tục chăm lo cho con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ và phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi cần tiếp tục cháu Vũ Đức Đ, Vũ Nguyễn Kim L, Vũ Nguyễn Ngọc P cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị B xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hát Bích về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, chị Nguyễn Thị Hát B được ly hôn với anh Vũ Ngọc Th.

2. *Về con chung:*

Giao cháu Vũ Đức Đ, sinh ngày 31/01/2008; cháu Vũ Nguyễn Kim L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Vũ Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Hát B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tạm thời anh Vũ Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Hát B không yêu cầu.

Anh Vũ Ngọc T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hát B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003407 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hát B và anh Vũ Ngọc T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Kiệm, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 85 quyền số 01/2007 ngày 23/7/2007);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lan

